

Bản án số: 113/2025/HS-ST

Ngày 18-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Đình Lập.

Ông Hoàng Đàm Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Huyền, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 603/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Đức D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/11/2003; tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nông Văn T sinh năm 1979, nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Nông Thị T1 sinh năm 1982, nghề nghiệp: Làm ruộng; cùng trú tại: xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng). Vợ, con: Chưa có; Có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/02/2021, bị Công an huyện H, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép pháo, phạt tiền 2.500.000 đồng; Ngày 14/12/2021, bị Ủy ban nhân dân xã V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại sức khỏe của người khác, phạt tiền 2.000.000 đồng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, từ ngày 18/3/2025 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Văn Q**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/04/2001; tại: T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nông Văn L sinh năm 1977, nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà Lý Thị Y sinh năm 1976, nghề nghiệp: Làm ruộng; cùng trú tại: xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm C, xã H, tỉnh Cao Bằng); Vợ, con: Chưa có; Có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01: Ngày 29/4/2024, bị Ủy ban nhân dân tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí thể thao, phạt tiền 25.000.000 đồng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, từ ngày 18/3/2025 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dạ T2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 17/3/2025, tại khu vực mốc 919/2 thuộc xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Đoàn Biên phòng T4 phối hợp với Công an xã T bắt quả tang Nông Văn Q đang thực hiện hành vi đón Lê Thị C (sinh năm 1975, trú tại T, P, Thái Nguyên) và Vi Văn T3 (sinh năm 1980, trú tại thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang) là người vừa nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam để đi sâu vào nội địa. Thu giữ của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 7, màu vàng cát, đã qua sử dụng. Tại Đoàn Biên phòng T4, Q khai nhận được Nông Đức D thuê đi đón người nhập cảnh trái phép. Đến 7 giờ sáng ngày 19/3/2025, Đoàn Biên phòng T4 tiến hành thi hành Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nông Đức D, thu giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, màu xám, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Khoảng 15 giờ ngày 17/3/2025, người đàn ông Trung Quốc tên X khoảng 40 tuổi liên lạc qua ứng dụng WeChat thuê D đi đón 02 người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam, qua khu vực mốc biên giới số 919/2 thuộc địa phận xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, tiền công 1.000 CNY (nhân dân tệ) /01 người, D đồng ý. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, D đi bộ từ nhà lên mốc 919/2, chui qua hàng

rào dây thép gai để đi sang phần đất thuộc Trung Quốc. Từ đó, đi khoảng 100m nữa D gặp Lê Thị C và Vi Văn T3 đang đứng chờ, D dẫn 02 người này quay lại hướng hàng rào biên giới. Trên đường đi, Xiu gửi cho D 01 số điện thoại để sang đến Việt Nam, D tự liên lạc giao người. Sau đó, D dẫn C và T3 chui qua hàng rào dây thép gai sang Việt Nam rồi đưa đến vị trí cách xóm C Nhan khoảng 100m thì dừng lại, cho 02 người nấp ở bụi cỏ Voi gần đó. D đi về nhà và liên lạc với Nông Văn Q trao đổi về việc D vừa đón 02 người từ Trung Quốc nhập cảnh trái phép sang, D thông báo cho Q biết 02 người đang nấp ở khu vực mỏ nước gần làng để chờ xe ô tô đến đón. Đồng thời D thuê Q đi đón 02 người này rồi đưa đến đoạn đường lớn, D gửi số điện thoại của người lái xe ô tô cho Q để Q tự liên lạc thống nhất thời gian, địa điểm giao nhận người, D hứa hẹn sau khi xong việc sẽ chia đều tiền công cho Q, xong việc cả hai người sẽ cùng nhau đi lên mốc biên giới để nhận tiền với người Trung Quốc, Q đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Q đi bộ ra vị trí C và T3 đang ẩn nấp, còn D cũng đang ở khu vực gần đó để cảnh giới lực lượng chức năng. Tuy nhiên, khi Q đi gần đến vị trí đón người thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện, bắt giữ, D bỏ chạy về nhà, sau đó bị Đoàn Biên phòng Thị Hoa Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T4 mời đến trụ sở cơ quan để làm rõ sự việc.

Hành vi của bị cáo đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra lập hồ sơ đề nghị truy tố về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 45/CT-VKSCB-P1 ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội: “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nông Đức D, Nông Văn Q về tội: “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Đức D, Nông Văn Q phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nông Đức D từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Bị cáo Nông Văn Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại của bị cáo D và 01 điện thoại của bị cáo Q.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, người bào chữa nhất trí với Cáo trạng và luận tội về tội danh; về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo, gia đình thuộc hộ cận nghèo năm 2025 để cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất là 12 tháng tù. Đồng thời, đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không tham gia tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án đã thể hiện được động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam của các bị cáo và đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, Nông Đức D được một người đàn ông Trung Quốc (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) gọi điện thoại đề thuê đón 02 người Việt Nam nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc về Việt Nam, qua khu vực mốc biên giới số 919/2 thuộc địa phận xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, tiền công 1.000 (CNY) nhân dân tệ /01 người. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, D đi bộ từ nhà lên mốc 919/2, chui qua hàng rào thép gai để đi sang phần đất thuộc Trung Quốc đón Lê Thị C và Vi Văn T3, sau đó, lại dẫn 02

người này sang Việt Nam rồi đưa đến bụi cỏ V cách xóm C Nhan khoảng 100m để ẩn nấp, sau đó D đi về nhà, thuê Nông Văn Q tiếp tục đưa dẫn người đến đoạn đường lớn rồi liên lạc với người lái xe ô tô để giao người. D hứa hẹn sau khi xong việc sẽ chia đều tiền công cho Q. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi Q đi bộ gần đến vị trí C và T3 đang ẩn nấp thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện, bắt giữ, D đang cảnh giới thấy vậy bỏ chạy về nhà, hôm sau đến trụ sở cơ quan chức năng hợp tác điều tra. D và Q chưa nhận được tiền công như đã thoả thuận.

Hành vi đón, đưa người vào lãnh thổ nước C1 mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình nhưng vì mong muốn được hưởng lợi nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đánh giá vai trò đồng phạm: Các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Nông Văn D1 đóng vai trò là người tiếp nhận thông tin đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, đón được người và giao lại cho Q tiếp tục đưa hai công dân nhập cảnh trái phép đi sâu vào nội địa, như vậy vai trò của bị cáo D1 cao hơn bị cáo Q. Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định hình phạt.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều nhân thân xấu. Bị cáo Nông Đức D từng hai lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính (đã được xóa); bị cáo Nông Văn Q có 01 tiền sự chưa hết thời gian được coi là hết thời hạn xử phạt.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, cả hai bị cáo đều thuộc hộ cận nghèo năm 2025, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Trong đó, tuy bị cáo D có vai trò cao hơn nhưng bị cáo Q có tiền sự chưa được xóa nên mức hình phạt đối với hai bị cáo phải tương đương nhau. Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung.

[6] Việc xử lý vật chứng:

Xét thấy cần tịch thu 02 chiếc điện thoại của các bị cáo do đã sử dụng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên X, người lái xe taxi có tài khoản Zalo “Đàm Khải” và người phụ nữ tên Hải A, Cơ quan điều tra không đủ thông tin để xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của những người này để mở rộng điều tra vụ án.

Đối với 02 công dân Việt Nam nhập cảnh trái phép, Đồn Biên phòng T4 Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T4 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật do gia đình các bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Nông Đức D, Nông Văn Q phạm tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nông Đức D 18 tháng tù, thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 18/3/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nông Văn Q 18 tháng tù, thời gian chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 18/3/2025.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

Tịch thu 01 điện thoại di động hiệu IPHONE của các bị cáo Nông Đức D được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “ 01 điện thoại di động IPHONE của Nông Đức D”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C.

Tịch thu 01 điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Nông Văn Q được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “ 01 điện thoại di động OPPO của Nông Văn Q”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C.

Xác nhận vật chứng trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng) theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 109 ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nông Đức D, Nông Văn Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện CT&KS xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na